TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Thanh Khỏe.

2. Bà Triệu Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bàn Mùi D, sinh năm 1998.

2. Bị đơn: Anh Triệu Kiềm V, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Xóm K, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 14-02-2023, bản tự khai ngày 10-4-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Bàn Mùi D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D kết hôn với anh V từ ngày 24-8-2017, hôn nhân được tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Một thời gian sau phát sinh mẫu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do bất đồng quan điểm sống. Từ khi lập gia đình, chị D vừa phải đi làm vừa phải lo toan công việc trong gia đình chồng nhưng không được anh V đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ và giúp đỡ. Đối với con, anh V thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc con. Mặc dù hai bên đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn để nuôi dạy con cái nhưng vẫn không khắc phục được. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ đầu năm 2023, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Bàn Mùi D khai vợ chồng có một con chung tên Triệu Mùi K, sinh ngày 13-01-2007. Hiện tại, chị D đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi sinh con, anh V không quan tâm, chăm sóc, nuôi dạy con. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11-4-2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Kiềm V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn như chị D trình bày, anh V không có ý kiến gì thêm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do chị D đi làm xa, không ở nhà cùng anh V. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh V không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D, mong muốn hai vợ chồng quay lại đoàn tụ tiếp tục chung sống.

Về con chung: Anh Triệu Kiềm V xác nhận vợ chồng có một con chung tên Triệu Mùi K, sinh ngày 13-01-2007. Anh V không đồng ý với yêu cầu của chị D về việc nuôi con chung, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 20-6-2023, chị D và anh V chung sống với nhau từ năm 2014 đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Chị D và anh V sống cùng bố mẹ đẻ của anh V tại xóm K, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị D đi làm công nhân tại khu vực Bắc Ninh, Bắc Giang, anh V làm thuê ở gần nhà. Từ lúc vợ chồng không ở gần nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh V không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã hòa giải để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không thành và sống ly thân từ tháng 2 năm 2023, anh V không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn, chị D đưa con về sống với bố mẹ đẻ của chị D.

Ngày 05-7-2023, Tòa án mở phiên họp tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên họp, chị D giữ nguyên yêu cầu, cương quyết được ly hôn với anh V. Anh V không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh V đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con. Vợ chồng xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kết thúc hòa giải, chị D ký vào biên bản hòa giải nhưng anh D không đồng ý nên không ký biên bản.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như tại phiên hòa giải. Anh V không có mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của anh V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bàn Mùi D. Giao cháu Triệu Mùi K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D, anh V thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Bàn Mùi D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Triệu Kiềm V. Anh V có địa chỉ thường trú tại xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Anh Triệu Kiềm V được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa ngày 25-7-2023 nhưng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 hoãn phiên tòa ngày 25-7-2023 và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 03-8-2023. Tại phiên tòa ngày 03-8-2023, anh V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Nội dung vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, chị D và anh V kết hôn năm 2017, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M,

huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân giữa chị D và anh V là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D, nguyên nhân mâu thuẫn do anh V không có trách nhiệm với gia đình, không có sự chia sẻ, đồng cảm, không quan tâm, chăm sóc con cái. Theo anh V, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi làm xa, không ở nhà cùng anh V xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải nhưng không khắc phục được và sống ly thân từ đầu năm 2023. Theo biên bản xác minh ngày 20-6-2023, vợ chồng chị D và anh V mâu thuẫn do chị D đi làm xa, anh V ở nhà không quan tâm chăm sóc con cái. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*; "*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau".* Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh V không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau mà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng mà vẫn sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh V do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị D.

Về nuôi con chung: Chị D và anh V xác nhận vợ chồng có một con chung tên Triệu Mùi K, sinh ngày 13-01-2017. Chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên hòa giải ngày 05-7-2023, anh V cũng đồng ý để chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu K cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với ý trí, nguyện vọng của các bên và đúng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Mùi D được ly hôn với anh Triệu Kiềm V. Giấy chứng nhận kết hôn giữa Bàn Mùi D và Triệu Kiềm V do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 24-8-2017 không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con: Giao cháu Triệu Mùi K, sinh ngày 13-01-2017 cho chị Bàn Mùi D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bàn Mùi D và anh Triệu Kiềm V không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bàn Mùi D được miễn án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mã Nguyệt Thu